KT3-00510HD4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **SIKA POXITAR F**

2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

3. Mô tả mẫu / *Description* : 15 tấm kính phủ sơn màu đen / *Black painted glass*

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 18/03/2014

5. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VN**
KCN Nhơn Trạch I, Nhơn Trạch, Đồng Nai

6. Điều kiện thử nghiệm / *Test condition* : Nhiệt độ và độ ẩm phòng thử nghiệm: (25 ± 3)°C; (60 ± 5) % RH / *Temperature and humidity at test lab*

7. Thời gian thử nghiệm / *Test period* : 19/03/2014 – 26/04/2014

8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang/ *see page 02/03 – 03/03*

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LABORATORY

Nguyễn Phước Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Trần Thị Mỹ Hiền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.*
N/A: không áp dụng. *Not applicable*
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. *Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
8.1 Khả năng kháng acid / *Acid resistance* (20 % H_2SO_4)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4-5
8.2 Khả năng kháng acid / *Acid resistance* (10 % H_3PO_4)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4-5
8.3 Khả năng kháng acid / *Acid resistance* (10 % oxalic)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	3-4
8.4 Khả năng kháng acid / *Acid resistance* (5 % acetic)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4
8.5 Khả năng kháng javel / *Acid resistance* (14 % Javel)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	3-4
8.6 Khả năng kháng nước/ *Acid resistance (water)*	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	5
8.7 Khả năng kháng NaCl / *Acid resistance* (3 % NaCl)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	5
8.8 Khả năng kháng NaOH / *Acid resistance* (30 % NaOH)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
8.9 Khả năng kháng NH_3 / *Acid resistance* (50 % NH_3)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4-5
8.10 Khả năng kháng acid / *Acid resistance* (10 % HCl)	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4
8.11 Khả năng kháng dầu FO/ *Acid resistance FO*	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	5
8.12 Khả năng kháng xăng A95/ *Acid resistance A95 gasoline*	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4
8.13 Khả năng kháng C_2H_5OH/ *Acid resistance* C_2H_5OH	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4
8.14 Khả năng kháng acid/ *Acid resistance* 10 % HNO_3	Tham khảo ASTM D 1308 – 02 (Spot test, 24 h)	Màng sơn không bị phồng rộp / *No blistered*
• Độ thay đổi màu sắc/*Colour change* cấp/ *rate*	ISO 105-A02 : 1993	4-5